

QUY CHẾ
KIỂM SOÁT VIỆC SỬ DỤNG NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN
SA NHÂN TÍM KON TUM

*(Ban hành kèm theo Quyết định số...../QĐ-SYT ngày ... tháng năm
của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Kon Tum)*

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

Quy chế này quy định về kiểm soát việc sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận Sa nhân tím Kon Tum nhằm đảm bảo quản lý và sử dụng hiệu quả Nhãn hiệu chứng nhận Sa nhân tím Kon Tum; bảo đảm chất lượng, duy trì danh tiếng, nâng cao giá trị, hiệu quả kinh tế trong sản xuất, kinh doanh sản phẩm Sa nhân tím và dịch vụ từ Sa nhân tím có nguồn gốc từ tỉnh Kon Tum.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi áp dụng

1. Quy chế này quy định về các hoạt động kiểm soát việc sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận Sa nhân tím Kon Tum đối với sản phẩm Sa nhân tím và dịch vụ từ Sa nhân tím mang Nhãn hiệu chứng nhận Sa nhân tím Kon Tum.

2. Đối tượng áp dụng là Chủ sở hữu Nhãn hiệu chứng nhận, cơ quan quản lý Nhãn hiệu chứng nhận, các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm Sa nhân tím và dịch vụ từ Sa nhân tím được cấp quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận Sa nhân tím Kon Tum.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ sử dụng được hiểu như sau:

1. *Nhãn hiệu chứng nhận* là Nhãn hiệu chứng nhận Sa nhân tím Kon Tum bao gồm phần chữ và phần hình như quy định tại Điều 5 Quy chế này.

2. *Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận* là văn bản do Cơ quan quản lý Nhãn hiệu chứng nhận cấp cho tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm Sa nhân tím và dịch vụ từ Sa nhân tím có nguồn gốc trên địa bàn tỉnh Kon Tum đáp ứng các điều kiện.

3. *Quy chế* là Quy chế Kiểm soát việc sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận Sa nhân tím Kon Tum.

4. *Quy chế Quản lý và sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận* là Quy chế Quản lý và sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận Sa nhân tím Kon Tum ban hành kèm theo Quyết định số 474/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

5. *Quyền sở hữu Nhãn hiệu chứng nhận* là quyền của Chủ sở hữu Nhãn hiệu chứng nhận đối với Nhãn hiệu chứng nhận, bao gồm quyền cho phép sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận, quyền ngăn cấm chủ thể khác sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận, quyền định đoạt đối với Nhãn hiệu chứng nhận và các quyền khác theo quy định của pháp luật Sở hữu trí tuệ và các văn bản pháp luật khác của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

6. *Quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận* là quyền:

- a) Gắn (in, dán, đính, đục, dập khuôn hoặc bằng các hình thức khác) Nhãn hiệu chứng nhận bao bì sản phẩm, phương tiện kinh doanh, phương tiện dịch vụ.
- b) Lưu thông, chào bán, quảng cáo, lưu trữ để bán sản phẩm mang Nhãn hiệu chứng nhận.

7. *Kiểm soát việc sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận* là các hoạt động kiểm soát mang tính chuyên biệt theo quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ, không bao gồm các hoạt động kiểm tra chuyên ngành của các ngành, lĩnh vực liên quan như an toàn thực phẩm, quản lý thị trường, hợp chuẩn, hợp quy, v.v.

8. *Nhãn hàng hóa* là bản viết, bản in, bản vẽ, bản chụp của chữ, hình vẽ, hình ảnh được dán, in, đính, đục, chạm, khắc trực tiếp trên hàng hóa, bao bì thương phẩm của hàng hóa hoặc trên các chất liệu khác được gắn trên hàng hóa, bao bì thương phẩm của hàng hóa.

9. *Tem nhãn chứng nhận* là tem, nhãn chứa Nhãn hiệu chứng nhận được gắn trên bao bì sản phẩm, phương tiện kinh doanh, phương tiện dịch vụ được cấp quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận. Tem nhãn chứng nhận được sử dụng theo hai hình thức: (i) in rời và dán trên Nhãn hàng hóa; (ii) in trực tiếp trên Nhãn hàng hóa, phương tiện kinh doanh, phương tiện dịch vụ.

10. *Sản phẩm Sa nhân tím và dịch vụ từ Sa nhân tím* theo Quy chế này được hiểu là các sản phẩm và dịch vụ như sau:

a) Sản phẩm: Sa nhân tím khô.

b) Dịch vụ:

- Dịch vụ mua bán sản phẩm Sa nhân tím khô mang Nhãn hiệu chứng nhận.
- Dịch vụ quảng cáo, quảng bá sản phẩm Sa nhân tím khô mang Nhãn hiệu chứng nhận.

11. *Sản xuất, kinh doanh* theo Quy chế này được hiểu là tất cả các hoạt động sản xuất, chế biến, phân phối và các hoạt động thương mại khác.

Điều 4. Chủ sở hữu và cơ quan quản lý nhãn hiệu chứng nhận

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum là chủ sở hữu nhãn hiệu chứng nhận Sa nhân tím Kon Tum.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum ủy quyền cho Sở Y tế tỉnh Kon Tum quản lý nhãn hiệu chứng nhận Sa nhân tím Kon Tum.

Điều 5. Nhãn hiệu chứng nhận Sa nhân tím Kon Tum

1. Nhãn hiệu chứng nhận Sa nhân tím Kon Tum bao gồm dấu hiệu chữ Sa nhân tím Kon Tum và dấu hiệu hình như được thể hiện tại Phụ lục 01 của Quy chế này.

2. Nhãn hiệu chứng nhận Sa nhân tím Kon Tum được bảo hộ độc quyền tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 386949 được cấp theo Quyết định số 39796/QĐ-SHTT ngày 19/5/2021 của Cục Sở hữu trí tuệ.

Điều 6. Nguyên tắc kiểm soát

Việc kiểm soát phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

1. Tuân thủ quy định pháp luật.
2. Nguyên tắc công khai, minh bạch.
3. Nguyên tắc hậu kiểm.

Điều 7. Thẩm quyền kiểm soát

1. Cơ quan quản lý Nhãn hiệu chứng nhận có thẩm quyền kiểm soát việc sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận. Việc kiểm tra, kiểm soát được tiến hành bởi 01 (một) Tổ kiểm tra được thành lập trên cơ sở quyết định của Cơ quan quản lý Nhãn hiệu chứng nhận.

2. Trong trường hợp cần thiết, Cơ quan quản lý Nhãn hiệu chứng nhận thành lập Tổ kiểm tra liên ngành. Thành phần Tổ kiểm tra liên ngành bao gồm: Đại diện Cơ quan quản lý Nhãn hiệu chứng nhận; Đại diện cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm Sa nhân tím và sản phẩm, dịch vụ từ Sa nhân tím mang Nhãn hiệu chứng nhận; Đại diện cơ quan chức năng có liên quan.

CHƯƠNG II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 8. Nội dung kiểm soát

1. Kiểm soát về chủ thể

a) Xác định tổ chức, cá nhân sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận Sa nhân tím Kon Tum.

b) Hiệu lực của Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận.

2. Kiểm soát về nguồn gốc sản phẩm, dịch vụ

a) Kiểm tra nhằm xác định sản phẩm mang Nhãn hiệu chứng nhận được sản xuất, kinh doanh tại tỉnh Kon Tum theo Bản đồ vùng địa lý sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận tại Phụ lục 02 Quy chế này.

b) Kiểm tra nhằm xác định dịch vụ được cấp quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận chỉ sử dụng cho các sản phẩm đã được cấp quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận.

3. Kiểm soát chất lượng sản phẩm

Kiểm tra sản phẩm sa nhân tím phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện về tiêu chí chất lượng theo quy định tại Phụ lục 03 Quy chế này.

4. Kiểm soát việc sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận trên bao bì sản phẩm, phương tiện kinh doanh, phương tiện dịch vụ

a) Kiểm tra việc gắn mẫu Tem nhãn chứng nhận trên bao bì sản phẩm, phương tiện kinh doanh, phương tiện dịch vụ có đáp ứng các yêu cầu về màu sắc, kích cỡ, nội dung theo mẫu Nhãn hiệu chứng nhận đã được cấp quyền sử dụng.

b) Việc gắn Tem nhãn chứng nhận nhằm đảm bảo tuân thủ quy định của cơ quan quản lý Nhãn hiệu chứng nhận.

Điều 9. Cách thức kiểm soát

Việc kiểm soát sẽ được tiến hành theo cách thức sau:

1. Kiểm tra về chủ thể

Xác định thông qua Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận đã

được cơ quan quản lý Nhãn hiệu chứng nhận cấp.

2. Kiểm tra về nguồn gốc sản phẩm, dịch vụ

a) Xác định thông qua thông tin sản phẩm, dịch vụ do tổ chức, cá nhân sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận cung cấp.

b) Hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

c) Đối chiếu số lượng sản phẩm mang Nhãn hiệu chứng nhận trên thực tế với số lượng tem nhãn sản phẩm mang Nhãn hiệu chứng nhận đã được tổ chức, cá nhân đăng ký sử dụng với cơ quan quản lý Nhãn hiệu chứng nhận.

3. Kiểm tra chất lượng sản phẩm

Việc kiểm tra chất lượng sản phẩm được tiến hành thông qua việc đối chiếu các chỉ tiêu chất lượng theo quy định tại Phụ lục 03 Quy chế này với các chỉ tiêu được ghi nhận trong kết quả xét nghiệm chỉ tiêu chất lượng sản phẩm do cơ quan có thẩm quyền cấp. Trong trường hợp có dấu hiệu nghi ngờ về chất lượng sản phẩm hoặc có khiếu nại, tổ kiểm tra sẽ lấy mẫu để phân tích làm cơ sở kết luận sản phẩm có đạt hay không đạt chất lượng.

4. Kiểm tra việc sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận trên bao bì sản phẩm, phương tiện kinh doanh, phương tiện dịch vụ

a) Kiểm tra bao bì sản phẩm sử dụng trên thực tế.

b) Kiểm tra bảng hiệu và các phương tiện kinh doanh tại địa điểm sản xuất, kinh doanh.

c) Kiểm tra bao bì sản phẩm, nhãn hàng hóa lưu trữ tại cơ sở sản xuất, kinh doanh.

5. Việc kiểm tra được tiến hành bởi 01 (một) Tổ kiểm tra được thành lập theo quy định tại Điều 7 Quy chế này. Việc kiểm tra định kỳ không quá 01 (một) lần trong 01 năm đối với 01 đơn vị sản xuất, kinh doanh. Trong trường hợp cần thiết, có thể tiến hành kiểm tra đột xuất.

Điều 10. Quy trình kiểm soát

Hoạt động kiểm soát việc sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận được tiến hành theo quy trình như sau:

1. Ban hành kế hoạch kiểm tra

Căn cứ vào thực tế sản xuất, kinh doanh tại địa phương hoặc khi có dấu hiệu nghi ngờ hoặc khiếu nại về những hành vi vi phạm trong việc sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận, cơ quan quản lý Nhãn hiệu chứng nhận sẽ ban hành kế hoạch kiểm tra việc sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận đối với một hoặc nhiều tổ chức, cá nhân đã được cấp quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận theo Mẫu 01-KHKT tại Phụ lục 04 Quy chế này. Kế hoạch kiểm tra phải được ban hành trước ngày kiểm tra tối thiểu là 10 (mười) ngày làm việc, trừ trường hợp kiểm tra đột xuất.

2. Thông báo kế hoạch kiểm tra cho tổ chức, cá nhân

Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ban hành kế hoạch kiểm tra, cơ quan quản lý Nhãn hiệu chứng nhận phải thông báo đến tổ chức, cá nhân được kiểm tra.

3. Thành lập Tổ kiểm tra

Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày ban hành kế hoạch kiểm tra, cơ

quan quản lý Nhãn hiệu chứng nhận ban hành quyết định về việc thành lập Tổ kiểm tra theo Mẫu 02-QĐ-TKT tại Phụ lục 05 Quy chế này.

4. Tiến hành kiểm tra tại cơ sở sản xuất, kinh doanh

Tổ kiểm tra tiến hành kiểm tra thực tế tại cơ sở sản xuất, kinh doanh theo cách thức quy định tại Điều 9 Quy chế này. Việc kiểm tra chỉ được tiến hành khi có mặt từ 2/3 số thành viên Tổ kiểm tra trở lên.

5. Thông báo kết quả kiểm tra

Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày tiến hành kiểm tra tại cơ sở sản xuất, kinh doanh, cơ quan quản lý Nhãn hiệu chứng nhận phải có thông báo về kết quả kiểm tra cho tổ chức, cá nhân được kiểm tra và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan theo Mẫu 03-TB-KQKT tại Phụ lục 06 Quy chế này.

Điều 11. Nguyên tắc lấy mẫu

1. Việc tổ chức lấy mẫu sản phẩm để kiểm tra phải tuân theo hướng dẫn tại Thông tư 26/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường; Thông tư 14/2011/TT-BYT ngày 01/4/2011 của Bộ Y tế hướng dẫn chung về lấy mẫu thực phẩm phục vụ thanh tra, kiểm tra chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm; Thông tư số 08/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định giám sát an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Quy định cụ thể về lấy mẫu sản phẩm

a) Phương pháp lấy mẫu: mẫu sản phẩm sẽ được chọn ngẫu nhiên;

b) Số lượng mẫu sẽ được quyết định phụ thuộc vào quy mô sản xuất, kinh doanh của đối tượng được kiểm soát và tối thiểu là 03 (ba) mẫu;

c) Mẫu phải được đóng gói, bảo quản cẩn thận và được đánh số, ghi nhãn theo quy định (trên nhãn phải ghi rõ tên tổ chức, hộ gia đình, cá nhân; thời gian lấy mẫu; số lượng mẫu).

Điều 12. Kết quả kiểm tra

Kết quả kiểm tra phải được lập thành văn bản và phục vụ cho các công việc sau đây:

1. Xử lý những trường hợp vi phạm Quy chế Quản lý và sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận và các quy chế khác do Chủ sở hữu Nhãn hiệu chứng nhận ban hành.

2. Làm cơ sở để giải quyết các trường hợp khiếu nại liên quan đến việc sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận.

Điều 13. Khiếu nại và giải quyết khiếu nại

1. Tổ chức, cá nhân có quyền đề nghị Cơ quan quản lý nhãn hiệu chứng nhận giải quyết các khiếu nại liên quan đến kết luận kiểm tra và cách thức kiểm tra việc sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận.

2. Các khiếu nại liên quan đến việc sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận phải được xem xét, giải quyết trên cơ sở các quy định tại Quy chế này, Quy chế Quản lý và sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận và quy định pháp luật có liên quan.

3. Trường hợp vụ việc phức tạp, nội dung vượt quá thẩm quyền giải quyết, Cơ quan quản lý nhãn hiệu chứng nhận sẽ có văn bản đề nghị hoặc văn bản chuyển vụ việc cho cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung

1. Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu phát sinh vướng mắc, cơ quan quản lý Nhãn hiệu chứng nhận chủ động hoặc theo đề xuất bằng văn bản của các tổ chức, cá nhân được cấp quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận hoặc các tổ chức có liên quan, chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan nghiên cứu, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

2. Mọi sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Chủ sở hữu Nhãn hiệu chứng nhận lập thành văn bản và ban hành.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

Chủ sở hữu Nhãn hiệu chứng nhận, cơ quan quản lý Nhãn hiệu chứng nhận, các tổ chức, cá nhân được cấp quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận có trách nhiệm thi hành Quy chế này./.

PHỤ LỤC 01
BIỂU TRƯNG (LOGO) NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN
SA NHÂN TÍM KON TUM

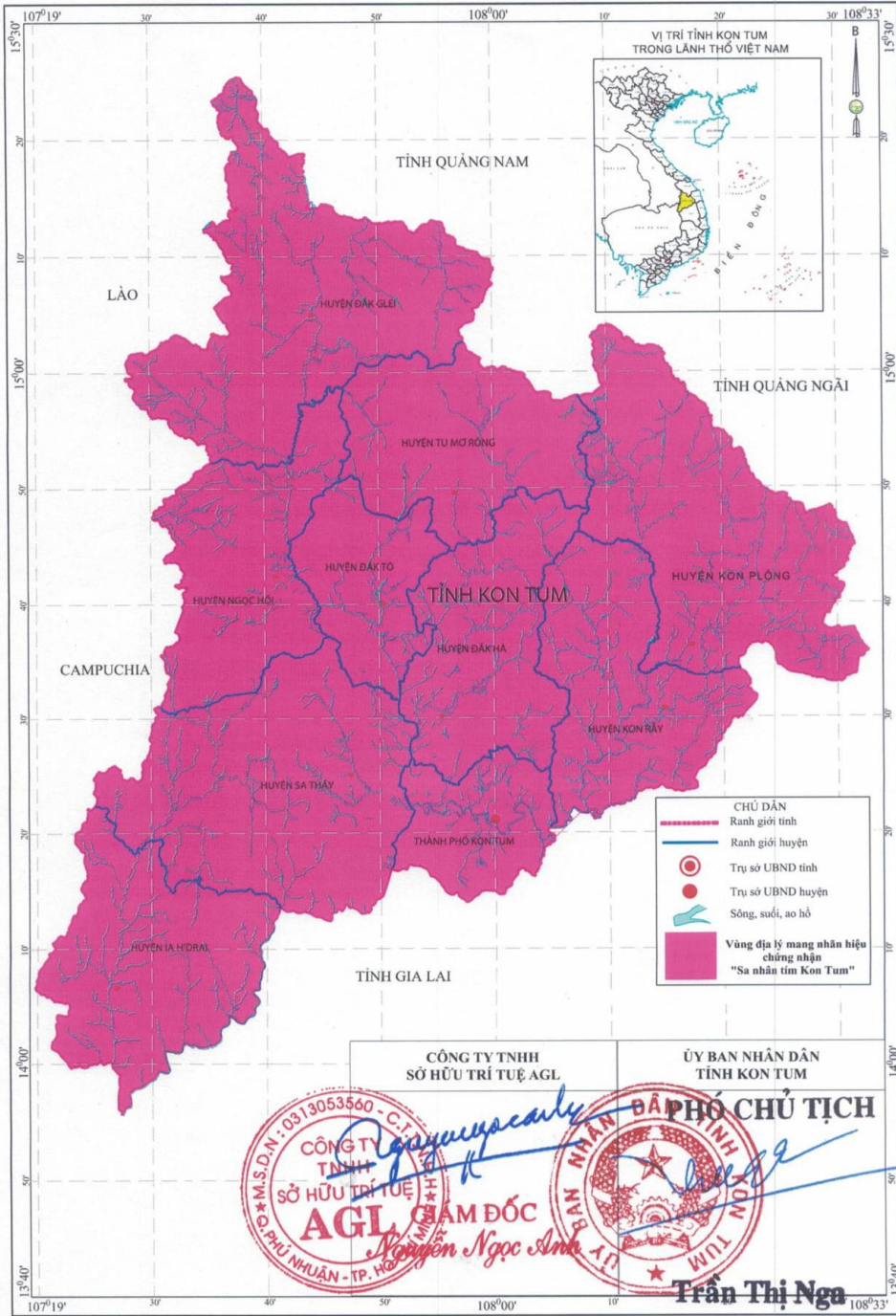


Nhóm 05: Sa nhân tím khô (01 sản phẩm)

Nhóm 35: Dịch vụ mua bán Sa nhân tím khô; Dịch vụ quảng cáo, quảng bá Sa nhân tím khô. (02 dịch vụ)

PHỤ LỤC 02

BẢN ĐỒ VÙNG ĐỊA LÝ MANG NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN “SA NHÂN TÍM KON TUM”



PHỤ LỤC 03
CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM MANG
NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN “SA NHÂN TÍM KON TUM”

Để được sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận, sản phẩm Sa nhân tím phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

1. Chỉ tiêu cảm quan

| STT | TÊN CHỈ TIÊU | MỨC VÀ YÊU CẦU |
|-----|--------------|--|
| 1. | Hình dạng | Hình bầu dục hay hình trứng, dài 1,5 cm đến 2 cm, đường kính 1 cm đến 1,5 cm, có 3 gờ tù (vách ngăn), mỗi ngăn có chứa 7 đến 26 hạt. Bên ngoài mỗi hạt có chứa 1 màng mỏng, màu trắng mờ (áo hạt) chụm thành một khối. Hạt màu nâu sẫm, cứng nhẵn nheo, đường kính 2cm đến 3 cm, dính theo lõi dính noãn trụ giữa. Cắt ngang thấy vỏ hạt màu nâu sẫm, hình khối nhiều mặt, ngoại nhũ màu trắng, nội nhũ màu trắng ngà. |
| 2. | Màu sắc | Màu nâu nhạt hay nâu sẫm. |
| 3. | Mùi, vị | Mùi thơm, vị hơi cay. |

2. Chỉ tiêu hóa lý

| STT | TÊN CHỈ TIÊU | ĐƠN VỊ | YÊU CẦU | |
|-----|--|-----------------|---------------|---------------|
| 1 | Độ ẩm | % | 11,94 – 12,31 | |
| 2 | Tro toàn phần | % | 5,57 – 6,26 | |
| 3 | Tro không tan trong acid hydrocloric | % | 0,89 – 1,12 | |
| 4 | Tạp chất | Tỷ lệ hạt rời | % | 1,2 – 1,5 |
| | | Tạp chất hữu cơ | % | 0,5 – 0,6 |
| | | Tỷ lệ hạt non | % | 1,0 – 1,1 |
| 5 | Định lượng tinh dầu toàn phần | % | 4,08 | |
| 6 | Định tính các thành phần có trong tinh dầu | alpha-pinen | % | 1,28 – 1,55 |
| | | camphen | % | 6,74 – 8,21 |
| | | beta- Myrcen | % | 6,36 – 7,79 |
| | | D- Limonen | % | 9,05 – 10,69 |
| | | Camphor | % | 42,12 - 44,47 |

| | | | | |
|--|--|--------------------|---|---------------|
| | | Borneol L | % | 1,36 - 1,54 |
| | | Bornyl acetat | % | 21,17 - 26,74 |
| | | trans-Caryophyllen | % | 2,78 - 3,51 |
| | | bicyclogermacren | % | 1,02 – 1,07 |
| | | Nerolidol | % | 0,91 - 1,63 |

PHỤ LỤC 04**MẪU 01-KHKT**UBND TỈNH KON TUM
SỞ Y TẾCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /KH-SYT

*Kon Tum, ngày... tháng... năm ...***KẾ HOẠCH****Về việc tổ chức kiểm tra việc sử dụng Nhãn hiệu
chứng nhận Sa nhân tím Kon Tum**

Căn cứ Quy chế Quản lý và sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận Sa nhân tím Kon Tum ban hành kèm theo Quyết định số 479/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quy chế Kiểm soát việc sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận Sa nhân tím Kon Tum ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-SYT ngày ... tháng ... năm ... của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-SYT ngày ... tháng ... năm ... của Sở Y tế tỉnh Kon Tum về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận Sa nhân tím Kon Tum cho;

Nhằm duy trì và đảm bảo chất lượng, danh tiếng của sản phẩm, dịch vụ mang Nhãn hiệu chứng nhận Sa nhân tím Kon Tum, Sở Y tế tỉnh Kon Tum ban hành kế hoạch kiểm tra việc sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận Sa nhân tím Kon Tum như sau:

1. Thời gian kiểm tra: Ngày ... tháng ... năm ...

2. Đối tượng kiểm tra:

- Tên tổ chức, cá nhân:

- Họ tên người đại diện theo pháp luật (nếu là tổ chức):

- Địa chỉ:

- Số Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận:

- Ngày cấp:

3. Nội dung kiểm tra

Kiểm tra về chủ thể sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận;

Kiểm tra về nguồn gốc sản phẩm, dịch vụ mang Nhãn hiệu chứng nhận;

Kiểm tra về chất lượng sản phẩm mang Nhãn hiệu chứng nhận;

Kiểm tra việc sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận trên sản phẩm, bao bì sản phẩm, phương tiện kinh doanh và phương tiện dịch vụ.

4. Thành phần Tổ kiểm tra: Sở Y tế tỉnh Kon Tum sẽ có quyết định thành lập Tổ

Kiểm tra trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày ban hành kế hoạch này./.

Nơi nhận:

-
-
-
-
-

GIÁM ĐỐC

PHỤ LỤC 05**MẪU 02-QĐ-TKT**

UBND TỈNH KON TUM
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-SYT

Kon Tum, ngày... tháng... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thành lập Tổ Kiểm tra việc sử dụng Nhãn hiệu
chứng nhận Sa nhân tím Kon Tum**

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH KON TUM

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-UB ngày 01/11/1991 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc thành lập Sở Y tế tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 43/2016/QĐ-UBND ngày 21/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Bộ luật dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung ngày 19 tháng 6 năm 2009 và ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 39796/QĐ-SHTT ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Cục Sở hữu trí tuệ về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 386949 cho Nhãn hiệu chứng nhận Sa nhân tím Kon Tum;

Căn cứ Quy chế Quản lý và sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận Sa nhân tím Kon Tum ban hành kèm theo Quyết định số 479/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum,

Căn cứ Quy chế Kiểm soát việc sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận Sa nhân tím Kon Tum ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-SYT ngày ... tháng ... năm ... của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Kế hoạch số .../KH-SYT ngày ... tháng ... năm ... của Sở Y tế tỉnh Kon Tum về việc tổ chức kiểm tra việc sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận Sa nhân tím Kon Tum.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Tổ Kiểm tra việc sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận Sa nhân tím Kon Tum bao gồm các ông/bà có tên sau đây:

1.
2.
3.

4.

5.

Điều 2. Các ông/bà có tên ở Điều 1 tiến hành kiểm tra việc sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận theo Kế hoạch số .../KH-SYT ngày ... tháng ... năm 20... của Sở Y tế tỉnh Kon Tum về việc tổ chức kiểm tra việc sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận Sa nhân tím Kon Tum và các quy định tại Quy chế Kiểm soát việc sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận Sa nhân tím Kon Tum ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-SYT ngày ... tháng 8 năm 2021 của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Kon Tum.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Các ông/bà có tên ở Điều 1 có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 1;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

PHỤ LỤC 06**MẪU 03-TB-KQKT**UBND TỈNH KON TUM
SỞ Y TẾ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-SYT

*Kon Tum, ngày... tháng... năm ...***THÔNG BÁO****Kết quả kiểm tra việc sử dụng Nhãn hiệu
chứng nhận Sa nhân tím Kon Tum**

Căn cứ Quy chế Quản lý và sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận Sa nhân tím Kon Tum ban hành kèm theo Quyết định số 479/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum,

Căn cứ Quy chế Kiểm soát việc sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận Sa nhân tím Kon Tum ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-SYT ngày ... tháng 8 năm 2021 của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-SYT ngày ... tháng ... năm 20... của Sở Y tế tỉnh Kon Tum về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận Sa nhân tím Kon Tum cho;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-SYT ngày ... tháng ... năm 20... của Sở Y tế tỉnh Kon Tum về việc thành lập Tổ kiểm tra việc sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận Sa nhân tím Kon Tum;

Thực hiện Kế hoạch số ... /KH-SYT ngày ... tháng ... năm 20... của Sở Y tế tỉnh Kon Tum về việc tổ chức kiểm tra việc sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận Sa nhân tím Kon Tum, Tổ Kiểm tra đã tiến hành kiểm tra đối với Kết quả kiểm tra như sau:

1. Thời gian kiểm tra: Ngày ... tháng ... năm ...
2. Thành phần Tổ Kiểm tra:

.....
.....

3. Kết quả kiểm tra

a) Đối với việc kiểm tra về chủ thể sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận:

 Đạt Không đạt. Lý do không đạt:

b) Đối với việc kiểm tra về nguồn gốc sản phẩm, dịch vụ mang Nhãn hiệu chứng nhận:

 Đạt Không đạt. Lý do không đạt:

c) Đối với việc kiểm tra về chất lượng sản phẩm mang Nhãn hiệu chứng nhận:

Đạt

Không đạt. Lý do không đạt:

d) Đối với kiểm tra việc sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận trên sản phẩm, bao bì sản phẩm, phương tiện kinh doanh và phương tiện dịch vụ:

Đạt

Không đạt. Lý do không đạt:

Nơi nhận:

-
-
-
-
-

GIÁM ĐỐC